CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP
Trụ sở: 47 Đường số 17, Khu phố 3, P. Hiệp Bình Phước, Q.Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại: 028.3727 1140 Fax: 028.3727 1143
Mã số DN: 0315205307 Website: www.saigon3group.com.vn

Tài liệu số: 09/ĐHĐCĐ/SG3-2020

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán

Căn cứ:

- *Luật Doanh Nghiệp hiện hành nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group;*
- *Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C;*

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C (đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán)

Trân trọng kính trình.

TP.HCM, ngày 05 tháng 05 năm 2020
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

PHẠM XUÂN HỒNG

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS *"để báo cáo"*;
- ĐHĐCĐ *"để thông qua"*.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315205307 ngày 06 tháng 8 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 08 tháng 11 năm 2018 về việc thay đổi địa chỉ của Công ty.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3727 1140
- Fax : +84 (028) 3727 1143

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Dịch vụ tư vấn về quản lý kỹ thuật may (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý);
- Sản xuất hàng may mặc;
- Bán buôn hàng may mặc, quần áo thời trang;
- Bán buôn máy móc, thiết bị, công nghệ và phụ tùng phục vụ cho sản xuất các mặt hàng ngành dệt may. Bán buôn thiết bị ngành may;
- Bán buôn nguyên phụ liệu ngành dệt may, các mặt hàng dệt may, nguyên phụ liệu may.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Phạm Xuân Hồng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2019
Ông Nguyễn Khánh Linh	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2019
Bà Nguyễn Ngọc Điệp	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2019
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2019
Ông Võ Trung Cương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2019
Bà Phạm Viết Lan Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2019
Bà Phạm Viết Lan Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2019
Ông Bùi Văn Kiệt	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2019

Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc của Công ty là Ông Nguyễn Quốc Việt (bổ nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2019).

Đại diện theo pháp luật
Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Xuân Hồng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2019
Ông Nguyễn Quốc Việt	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2019

Kiểm toán viên
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính
Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Phạm Xuân Hồng
Chủ tịch

Ngày 09 tháng 3 năm 2020

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
www.a-c.com.vn

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0354/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

Võ Thành Công - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1033-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2020

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as **Baker Tilly A&C** is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.682.702.503.264**	**1.895.330.717.344**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**196.754.245.508**	**476.712.295.297**
1. Tiền	111		94.528.813.197	275.636.224.179
2. Các khoản tương đương tiền	112		102.225.432.311	201.076.071.118
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**587.160.664.605**	**586.213.298.589**
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	586.822.440.894	637.250.915.426
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(64.060.400.733)	(51.037.616.837)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	64.398.624.444	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**653.895.121.669**	**674.670.990.513**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	235.001.848.836	219.833.502.657
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	23.335.756.232	59.951.286.938
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	364.715.054.159	321.293.410.020
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	35.956.184.886	79.406.513.342
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(5.813.722.444)	(5.813.722.444)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		700.000.000	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**213.350.645.475**	**134.996.154.559**
1. Hàng tồn kho	141	V.8	213.350.645.475	134.996.154.559
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**31.541.826.007**	**22.737.978.386**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	3.356.625.499	2.879.099.246
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28.172.339.540	19.858.879.140
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.19	12.860.968	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**1.151.323.588.237**	**681.534.898.874**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**208.511.558.801**	**7.980.253.372**
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	200.000.000.000	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	8.511.558.801	7.980.253.372
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**708.827.683.617**	**201.264.388.142**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	534.669.205.343	190.488.847.174
-	*Nguyên giá*	*222*		*759.846.856.527*	*364.249.892.060*
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(225.177.651.184)*	*(173.761.044.886)*
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	149.036.936.037	877.687.689
-	*Nguyên giá*	*225*		*160.802.260.505*	*884.583.636*
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		*(11.765.324.468)*	*(6.895.947)*
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	25.121.542.237	9.897.853.279
-	*Nguyên giá*	*228*		*58.101.821.587*	*39.826.696.105*
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(32.980.279.350)*	*(29.928.842.826)*
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**	**V.13**	**32.034.253.282**	**33.310.860.526**
-	Nguyên giá	231		34.581.187.216	34.581.187.216
-	Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.546.933.934)	(1.270.326.690)
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**16.160.919.272**	**255.493.865.291**
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	16.160.919.272	255.493.865.291
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**55.190.936.675**	**42.390.660.000**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	26.590.936.675	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	23.600.000.000	37.390.660.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	5.000.000.000	5.000.000.000
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**130.598.236.590**	**141.094.871.543**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	94.772.113.211	95.687.605.302
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	3.577.609.771	9.575.584.457
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269	V.16	32.248.513.608	35.831.681.784
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**2.834.026.091.501**	**2.576.865.616.218**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.050.605.654.986**	**974.672.310.116**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**633.756.204.911**	**861.625.781.526**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	175.122.534.752	273.694.006.979
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	7.380.100.897	8.721.440.346
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	47.179.482.440	41.966.072.457
4. Phải trả người lao động	314	V.20	32.936.052.659	167.625.629.194
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.21	4.122.607.104	22.354.152.441
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		42.891.483	5.909.096
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22a, c	14.486.862.420	26.087.835.709
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23a, c	323.834.130.122	292.519.738.270
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	28.651.543.034	28.650.997.034
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**416.849.450.075**	**113.046.528.590**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.22b, c	1.295.366.011	295.166.998
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23b, c	385.883.252.776	101.150.503.741
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.25	23.665.262.579	5.179.490.101
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.26	6.005.568.709	6.421.367.750
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.783.420.436.515**	**1.602.193.306.102**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**1.783.420.436.515**	**1.602.193.306.102**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.27	699.747.650.000	699.747.650.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*699.747.650.000*	*699.747.650.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	225.070.638.380	224.845.220.342
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.27	(1.000.000.000)	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.27	749.377.649.329	563.240.504.721
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*478.292.235.081*	*563.240.504.721*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*271.085.414.248*	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.27	110.224.498.806	114.359.931.039
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**2.834.026.091.501**	**2.576.865.616.218**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2020

Trương Thị Hồng Nhạn	Tạ Hoàng Sơn	Nguyễn Quốc Việt
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.998.844.196.490	2.165.530.126.654
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.998.844.196.490	2.165.530.126.654
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.624.729.916.570	1.834.287.487.042
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		374.114.279.920	331.242.639.612
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	170.894.856.475	213.330.644.305
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	62.160.912.239	91.820.461.810
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		27.310.301.695	24.473.963.835
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	1.645.895.375	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	18.182.618.019	46.751.293.933
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	116.377.488.684	176.147.556.894
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		349.934.012.828	229.853.971.280
12.	Thu nhập khác	31	VI.7	4.467.229.226	1.109.799.679
13.	Chi phí khác	32	VI.8	3.882.237.322	1.107.543.141
14.	Lợi nhuận khác	40		584.991.904	2.256.538
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		350.519.004.732	229.856.227.818
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	48.412.205.933	43.796.489.947
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.15, 25	24.483.747.164	(594.179.635)
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		277.623.051.635	186.653.917.506
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		271.085.414.248	186.655.286.573
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.537.637.387	(1.369.067)
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a, b	3.802	2.822
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a, b	3.802	2.822

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2020

Trương Thị Hồng Nhạn	Tạ Hoàng Sơn	Nguyễn Quốc Việt
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*		*350.519.004.732*	*229.856.227.818*
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, 11, 12, 13, 16	71.320.112.918	65.584.820.198
- Các khoản dự phòng	03	V.2a, 26	13.433.313.733	37.663.041.654
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	365.027.358	(345.286.277)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2c; VI.3, 7	(82.641.991.086)	(59.649.438.299)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	27.310.301.695	24.473.963.835
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*		*380.305.769.350*	*297.583.328.929*
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		46.137.340.203	55.193.540.899
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(78.354.490.916)	(53.398.930.304)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(250.926.504.952)	17.722.619.259
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		437.965.838	(6.641.209.158)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		50.428.474.532	49.633.087.876
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.21; VI.4	(27.246.883.032)	(24.622.065.042)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.19	(47.005.500.570)	(29.537.486.799)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.946.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.24, 27d	(2.887.948.387)	(4.482.754.547)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		*70.890.168.066*	*301.450.131.113*
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, 10, 11, 12, 14, 17a, 23b	(260.417.701.093)	(446.721.976.872)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		254.882.965	1.832.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(851.886.231.105)	(938.970.593.443)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		544.065.962.522	948.412.161.413
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2c	(32.340.957.879)	(223.294.507.921)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2d	13.790.660.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6a; VI.3	80.466.822.464	42.924.150.103
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*		*(506.066.562.126)*	*(615.818.675.811)*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	187.644.861.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.27a	(1.770.766.160)	(10.940.352.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.23a, b	1.288.271.546.815	1.494.179.239.962
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.23a, b	(1.037.828.798.968)	(1.727.822.945.812)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.23a, b	(9.598.164.721)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22a, 27a	(83.818.502.251)	(12.530.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***155.255.314.715***	***(56.951.727.350)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(279.921.079.345)**	**(371.320.272.048)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**476.712.295.297**	**848.728.073.203**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(36.970.444)	(695.505.858)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**196.754.245.508**	**476.712.295.297**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2020

Trương Thị Hồng Nhạn	Tạ Hoàng Sơn	Nguyễn Quốc Việt
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**